

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 125/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29/9/2021

V/v: “Tranh chấp về ly hôn
và nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dư

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà H' Hương Bkrông

2. Ông Hồ Trung Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Lệ Thủy – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2021 “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1981 – Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1983 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 4 năm 2021 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng A trình bày: Ông A và bà T tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 24/02/2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống bình thường đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng cũng sống ly thân từ đó cho đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà T không chung thủy; Thời gian đầu ly thân, cả hai bên cũng đã nhiều lần nói chuyện, ông A mong bà T thay đổi

để vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng bà T không thay đổi. Sau đó hai bên không có sự quan tâm đến nhau cũng như không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn mà để mặc ai nấy sống cho tới nay. Nay ông A nhận thấy tình cảm, tình thương yêu vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài và ở mức trầm trọng nên ông A xin được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông A và T có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 28/6/2008. Từ khi ly thân đến nay cháu H đều do ông A trực tiếp nuôi dưỡng, do đó khi ly hôn ông A xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H đến khi thành niên và không yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay ông A làm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại được phẩm Đ, lương cộng thu nhập khác: 20.000.000 đồng/tháng nên đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về công nợ: Không có.

Bị đơn bà Hoàng Thị T đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến nay thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký cũng như nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn chấp hành chưa tốt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng A. Cho ông Nguyễn Hoàng A được ly hôn với bà Hoàng Thị T. Giao con chung là Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 28/6/2008 cho ông Nguyễn Hoàng A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu của nguyên đơn thì đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Hoàng Thị T đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt là lần thứ hai, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp theo quy tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Nguyễn Hoàng A và bà Hoàng Thị T tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 24/02/2008 có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình duy trì hôn nhân ông A, bà T xảy ra mâu thuẫn từ năm 2013 và vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ đó cho đến nay, thời gian sống ly thân đã lâu, nhưng cả hai bên đều không có biện pháp để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm mà bỏ mặc ai nấy sống không quan tâm tới nhau; Chính quyền địa phương cũng xác nhận bà T đến cư trú tại đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk từ năm 2018 cho đến nay. Về phía bà T, đã được tổng đạt thông báo thụ lý hợp lệ, trong đó nêu rõ yêu cầu khởi kiện của ông A, nhưng bà T không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông A.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông A, bà T đã kéo dài và ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn bà T của ông A là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Ông A, bà T có con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 28/6/2008, từ khi ông A, bà T ly thân cháu H đều do ông A trực tiếp nuôi dưỡng, ông A có thu nhập ổn định, ý kiến của cháu H cũng xin được ở với ông A; Do vậy, để đảm bảo việc ăn ở, học hành ổn định cho cháu H nên cần chấp nhận ý kiến của ông A là giao cháu H cho ông A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con, ông A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và công nợ: Ông Nguyễn Hoàng A xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Ông A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Hoàng A và bà Hoàng Thị T.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 28/6/2008 cho ông Nguyễn Hoàng A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và công nợ chung: Đương sự xác định không có tài sản và công nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Hoàng A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông A đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 60AA/2021/0003891 ngày 20/4/2021.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi Cục THADS Tp. BMT;
- Đương sự;
- UBND P. T, Tp. B;
- (GCNKH số 15, quyền số N.2006 ngày 24/02/2006)
- Lưu hồ sơ tại tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Dư